

Truyện ngắn HƯƠNG QUÊ**20 năm và 2000 năm**BÌNH-NGUYỄN LỘC

Năm 1946, chú Tư Lép bị quân-đội Pháp bắn chết ngay giữa sân nhà chú.

Họ nói là họ xử-tử chú nhưng gia-đình chú cho đó là một cuộc ám-sát, mặc dầu nó xảy ra ban ngày, trước mắt cả làng.

Chẳng, ta có phương-pháp bảo-vệ những trái nhãn chín bằng hai cách, dùng song-song với nhau. Trước hết, ta nhập những chùm nhãn rời-rạc lại thành một chùm lớn bằng trái bưởi rồi bó tất cả lại bằng đệm trần. Nhưng mỏ của loài dơi và của vài thứ chim xé rách đệm trần dễ như chơi, thành-thứ ta lại treo lên cây nhãn một chiếc thùng thiếc với bên trong thùng một khúc củi. Một sợi dây dừa cột dính vào thùng, chạy thẳng vào nhà bếp và các bà nội-trợ cứ thỉnh-thoảng, năm mười phút một lần, nắm đầu dây trong nhà mà giật, chiếc thùng khua lên vì bị khúc củi, như quả lắc đồng-hồ, đánh vào vỏ thiếc, thế là dơi và chim chóc mới đáp xuống chưa kịp đánh chén đã hoảng bay đi mất.

Nhà chú Tư nằm dựa Quốc-lộ số 1. Sáng hôm ấy một đoàn tuần-tiểu quân-đội viễn-chinh Pháp, mười một người, thuộc đơn-vị trấn-đóng tại quận-ly ở cách đó sáu cây-số, vừa đi ngang qua trước nhà chú Tư thì nghe tiếng thùng khua. Họ tìm nguồn-gốc của tiếng động, và dĩ-nhiên đã thấy bộ máy đuổi dơi thô-sơ của dân-tộc Việt-Nam mà cả đời họ chưa bao giờ thấy ở nơi nào khác. Họ đoán rất hữu-ly, theo lô-rít Đề-Cạt (logique de Descartes), rằng đó là cái máy báo-động cho „Việt-Minh“ hay biết để mà chạy trốn, hoặc để mà dàn trận tấn-công họ.

Họ xông vào nhà, tóm lấy ông gia-trưởng đang ăn bữa cơm sáng, lôi ông ta ra sân, rồi gọi dân làng đến để chứng-kiến một cuộc trừng-phạt gương-mẫu, ngầm nói lên rằng: ai giúp đỡ cho „Việt-Minh“ sẽ phải bị trừng-trị gắt như thế.

Rồi thì ... đoàng một tiếng, chú Tư Lép hóa ra người thiên-cổ.

Chỉ có thím Tư là khóc kể khi nhào lặn xuống đất ôm thây chồng, còn thằng Hòn thì như là không thương cha, đứng đó mà thần-thờ cả buổi.

Suốt non mười bảy năm liền, từ năm 1946 đến năm 1954, mà ta thu-hồi chủ-quyền quốc-gia, vùng ấy không có sản-xuất nhãn. Bao nhiêu nhãn chín, dân làng họ nhường cả cho đám chim tha-hồ làm tiệc.

Các viên thông-ngôn của nhà binh Pháp cũng có người khá, và anh thông-ngôn hôm đó đã cố giải-thích, nhưng nói thế nào, các ông lính râu rìa cũng chẳng chịu hiểu cho, thì không mong gì rồi họ sẽ hiểu, và lại họ chỉ trấn-đóng nơi đó có một thời-gian ngắn rồi được thuyên-chuyển đi nơi khác, đơn-vị khác tới, cũng không hiểu y như họ.

Chú Tư Lép chỉ có một đứa con là thằng Hòn, năm ấy đương mười bốn tuổi. Ba cây nhãn trồng ở sân nhà, đã nuôi sống gia-đình, vì nhãn ở miền Nam ta hiếm lắm, bán rất được tiền, nhưng nguồn lợi đã mất, đứa bé mười bốn thành trụ-cốt gia-đình một cách bất-ngờ, chẳng được chuẩn-bị, võ-trang gì hết, thành-thủ nó phải vất-và quá sức mới kiếm đủ cái ăn cho nó và cho một bà mẹ thường đau ốm.

Đứa bé mười bốn liếng-thoảng và tinh-nghịch ngày xưa bỗng biến thành một người lớn lằm-lằm lì-lì, ít nói, không bao giờ cười, lẽ dĩ-nhiên không chơi giỡn với trẻ đồng-lứa ở hàng xóm nữa.

Bây giờ nó đã là người đàn ông trong gia-đình rồi, có trách-nhiệm thành-linh, mà lại là thứ trách-nhiệm rất nặng của một ông gia-trưởng, làm-lụng nhiều thì đã đành rồi, mà thường thì chính nó phải quyết-định, giải-quyết những vấn-đề mà đàn bà không biết xử-trí ra sao?

Năm ấy nó đang học lớp nhứt tiểu-học ở trường quận thì phải bỏ học để đi làm thuê trong làng.

Dân làng, và cả má nó nữa đều thầm đoán rằng sở-dĩ nó bỗng-nhiên thay tâm đổi tánh, đang nói như cường, đang nghịch như quý, bỗng câm miệng lại cả ngày và đi đâu, chỉ nhìn mặt đất như để tìm bạc rơi, đó chính là vì nó đang khơi lại mối thù và đang tìm mưu để báo-phục.

Người ta định rằng nó sẽ tìm cách vào bung-biên, mà nó cũng có ý-nghĩ ấy, nên thím sợ-hãi lắm. Thím tư đã mất chồng, nếu thím lại mất con, thím biết dựa vào đâu, trên phương-diện tình-cảm? Đứa con độc-nhút này là nguồn an-ủi duy-nhút của những năm còn sót lại của đời thím, nếu nó đi mất, thím sẽ không còn lẽ sống nữa, thím lo-sợ là vì thế chứ không phải vì sanh-kế, bởi tuy thường đau yếu, thím cũng có thể sống lây-lắt được vì thím không có nhu-cầu nào khác hơn là ngày hai bữa cơm ăn với muối sả.

Trong khi đó thì thằng Hòn tiếp-tục, lằm-lằm, lì-lì, nó không buồn, nhưng có vẻ nghĩ nhiều, rõ-ràng là một ông cụ non.

Năm quân-đội Pháp triệt-thối, má nó thở ra nhẹ-nhõm. Kẻ thù đã đi mất rồi thì chắc là nó sẽ không làm gì đáng phải sợ nữa, cho dầu căm-thù nơi nó vẫn còn.

Những phần-tử nạn-nhơn của đạo quân viễn-chinh Pháp trong làng thất-vọng ghê lắm. Họ cũng căm-thù, nhưng không dám hành-động, họ mặc-nhiên ủy-quyền cho chú bé mà họ thầm khen là có „chí-khí“ để chú ta mạo-hiêm rửa hận cho họ. Nhưng chú ta cứ lằm-lạ mãi, có lẽ vì nhát gan, giờ các ông Tây đã xuống tàu hết rồi thì huề vậy!

Chú bé làm thuê được một số dân làng thăm-lặng xem là anh-hùng tương-lai ấy, bỗng trở nên xoàng-xĩnh như bất-kỳ anh thợ cày nào trong làng. Tệ hơn nữa, năm ấy chú bé lập gia-đình. Ở thôn-quê, ngày nay lập gia-đình năm hăm hai tuổi là vừa, không quá sớm, mà cũng chẳng trễ, nhưng cậu nào cưới vợ, là cậu ấy từ bỏ mộng lớn rồi vậy. Nếu Tây mà cứ còn hoành-hợ ở xứ ta, cậu Hòn vẫn sẽ thù-phận làm một

nạn-nhơn nhần-nại chịu-đựng số-phận, chớ không lẽ lúc rảnh-rang, không hành-động, giờ có thêm bốn-phận lại đi mạo-hiểm hay sao?

Người gia-trưởng bấy giờ đã ra người gia-trưởng rồi. Hấn biết nghề thợ mộc và làm việc kiếm đủ tiền nuôi ba miệng ăn khá no ấm.

Nhưng hấn không hết lằm-lằm, lì-lì, không phải là buồn, mà như là suy-tính cái gì. Nhãn đã được bảo-vệ trở lại theo phương-pháp ngàn đời của dân-tộc, nên gia-đình này lại dư ăn, cho tới năm 1965 thì ba cây nhãn cho huê-lợi mỗi năm mười lăm ngàn bạc.

\*\*\*

Ông gia-trưởng Hòn có được ba đứa con mà đứa đầu lòng lên bốn, tức nhà có sáu miệng ăn, nhưng vẫn no-ấm như thường. Nếu ông gia-trưởng trẻ này không có tham-vọng làm giàu thì ông ta có thể hưởng cuộc đời một cách an-ổn, không phải lo nghĩ về tương-lai, bởi nhãn chưa lão, mà công-việc thợ mộc thì có hoài-hoài, giá sanh-hoạt lên, ông lấy công lên, ông bán nhãn cao giá hơn, tình-hình tài-chánh của gia-đình không thể bị xáo-trộn bất-cứ vì biến-cố nào.

Nhưng ông ta vẫn cứ lo nghĩ.

Mãi cho tới mùa nhãn năm 1966 thì huê-lợi về nhãn thâu được bốn mươi ngàn vì giá sanh-hoạt nhảy vọt. Các gia-đình sống về nhãn trong làng rất lo-lắng nạn doi, nạn chim. Những cây nhãn hiếm-hoi trồng nơi sân nhà họ mà bị loại „bán thú bán cầm“ ấy phá-hại nhiều, họ sẽ mất lợi to và thật không biết lấy gì để bù-đắp vào lỗ hồng, bởi gia-đình nào sống nhờ nhãn, ông gia-trưởng cũng đã lên lão cả rồi, không còn làm gì khác hơn được.

Mùa nhãn năm ấy, chú thợ mộc Hòn bớt nhận còm-măng về đồ mộc. Chú bận làm việc khác. Chú đan những chiếc giỏ bằng trúc, to hơn trái bưởi một chút, mà đương hàng trăm chiếc như vậy, không biết do ai đặt cho chú làm và để làm gì? Trúc đan những cái giỏ ấy rất khít mặt, giỏ lại có nắp đậy, mà nắp thì được chừa một lỗ rộng bằng một chiếc nắp tĩn nước mắm.

Một ngày sau khi chú thợ Hòn xong công-việc đan giỏ thì dân làng mới hiểu. Giỏ có nắp, khi đậy nắp lại, nó biến thành những chiếc lồng kín.

Chú thợ cũng bắt đầu bó nhãn bằng đệm trần, vì đệm trần cầm giữ hương nhãn, nhưng ngoài những cái túi đệm trần ấy, chú ta còn dùng lồng trúc bao-phủ kín-đáo các bó nhãn. Cái lỗ chừa lại nơi nắp lồng, là để cho các nhánh nhãn nhỏ của các bó nhãn có chỗ mà liên-lạc với các bó nhãn trĩu đầu cành.

Mặt trúc đan nhật ngăn được cả những con chim sâu nhỏ, những con chim húp mật tí-hon nữa, mặc dầu hai loại chim này không phá nhãn, nhưng chú thợ Hòn cứ đề-phòng mọi bất-trắc vì doi con có thể cũng phá nhãn như doi lớn.

Sướng nhé! Các bà nội-trợ hết là nô-lệ của sợi dây dừa suốt mùa nhãn mà cứ năm mươi phút một, các bà phải giựt một cái. Các bà có thể đi chợ, đi đây, đi đó, vì nhãn đã được bảo-vệ thật chắc-chắn, hữu-hiệu rồi, bằng giải-pháp này.

Cả làng, rồi cả vùng đều bắt chước chú thợ Hòn.

Thì ra, từ hai mươi năm nay, nghĩ-ngợi của chú ta là nhắm việc phát-minh nho-nhỏ này. Những phút mà chú ta thần-thờ trước thi-thể của cha chú ngày xưa, có lẽ là những phút chú tự hỏi sao dân-tộc ta không tìm cách bảo-vệ nhãn hữu-hiệu hơn và ít tốn thì-giờ hơn là khua thùng thiếc, một bộ máy dị-kỳ làm cho ngoại-nhân hiểu lầm.

Những người dân làng ham trả-thù, đã xem thường chú thợ Hòn này từ mấy năm nay, giờ họ lại khinh chú ra mặt. „À, thì ra nó bận-tâm vì lợi, chớ không phải vì thù nhà, nợ nước!“

Cũng khó mà bênh-vực chú thợ Hòn, trước loại dư-luận này. Nhưng mà sinh-hoạt của cả một dân-tộc nếu bị độc-loại-hóa trong suốt hai mươi năm thì ai cày ruộng để nuôi lính, ai cất nhà cho toàn dân, ai bốc thuốc cho các con bệnh. Đó là nói về nợ nước. Còn thù nhà thì một cuộc phát-minh có lợi cho đoàn-thể, không gỡ tội đứa con bất-hiếu (nếu quả là có tội bất-hiếu) được hay sao?

Chỉ phiền là – đây là ý-kiến của phần-tử ôn-hòa – chỉ phiền là chú thợ nó đã bỏ ra quá nhiều thì-giờ, những hai mươi năm trường mới nghĩ được một cái giỏ giã-dị, không có gì đáng thần-phục cả.

Chú thợ Hòn đã trở lại thành một người bình-thường từ ngày bao cái túi đệm trần bằng giỏ trúc, chú hết nhìn mặt đất, nghĩ-ngợi lung-tung, hết bần-hăn, bó-hó nữa, hơn thế, đã biết cười, đã chịu nói-năng, bỗng đăm-chiêu trở lại như trước, khi nghe lời phê-bình trên đây.

Chính chú ta cũng chợt thấy rằng mình đã phí quá nhiều năm tuổi để chỉ phát-minh ra được một cái giỏ không có gì là phù-thủy, là đáng kinh-ngạc cả.

Chú ta lại chun trở vào cái vỏ im-lặng của chú trong nhiều tháng trời.

Nhưng một hôm, một người cuối thôn cũng phê-bình như thế, trong một bữa ăn giỗ kia. Chú thợ Hòn đã uống đến ba ly rượu đế nhỏ rồi, và rượu chắc đã bấm vào cái nút điện bí-mật nào nơi trí-óc của chú, nên chú tìm được „cái lẽ“ của cuộc lãng-phí tuổi đời của mình. Chú nói to:

- Các chú, các bác, có biết dân ta đã bỏ ra bao nhiêu năm để phát-minh cây sáo lông bé xoài hay không? Tôi thì tôi tin rằng chắc họ nghĩ kế hàng trăm năm mới tìm được một cách bé xoài vừa an-toàn cho sinh-mạng họ, vừa an-toàn cho những trái xoài như ngày nay. Các chú, các bác quen mắt thấy cây sáo lông không có gì đáng phục, nhưng mà không phải là đầu hôm sớm mai, người ta nghĩ ra được dụng-cụ đó đâu.

Nhưng hai mươi năm, năm mươi năm, một trăm năm tìm-tòi, mà không uống công đối với tiện-lợi cho cả hai, ba ngàn năm, dân ta đã bé xoài ít lắm cũng từ hai ngàn năm rồi!

Vậy thì hai mươi năm lo nghĩ của tôi, đâu có phải là hai mươi năm lãng-phí.

